

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 151/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2025

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Thắng**

Ông **Nguyễn Đức Hạnh**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Ông **Nguyễn Văn Tường** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Đào D**, sinh năm 1997,

Địa chỉ: Số nhà B, phố N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Nguyên A**, sinh năm 1994,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số C N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: H C Plzen Jizni Predmesti Cộng hòa S. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh A trong việc giao nhận văn bản tố tụng: Anh **Dương Quốc H**, sinh năm 1989; ĐKKHKT: Số nhà G phố T, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Số nhà C, phố N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Đào D trình bày: Chị và anh Phạm Nguyên A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 01/3/2024. Sau khi kết hôn, anh A trở về Cộng hòa Séc sinh sống và làm việc, còn chị ở lại Việt Nam. Vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, anh A không có ý định về Việt Nam đoàn tụ cùng chị, còn chị cũng không muốn sang Cộng hòa Séc đoàn tụ cùng anh. Anh chị không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm không còn. Anh chị cũng liên lạc tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn và gia đình hai bên cũng khuyên giải nhiều nhưng không có kết quả. Nay cả chị và anh A cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Nguyên A trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn đúng như chị D đã trình bày. Sau khi kết hôn anh chị xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, không thể thống nhất, hàn gắn được. Nay chị D có đơn ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Dương Quốc H trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của anh A, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho anh A biết, anh A vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Lê Đào D ly hôn anh Phạm Nguyên A. Chị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Đào D hiện đang cư trú tại số nhà B, phố N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Anh Phạm Nguyên A có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại số C N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú hiện nay: H C Plzen Jizni Predmesti Cộng hòa S. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù anh A không có mặt ở Việt Nam nhưng thông qua gia đình anh đã gửi đơn xin ly hôn vắng mặt, bản sao hộ chiếu và giấy phép cư trú và ủy quyền cho anh Dương Quốc H nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu của anh đã được Đại sứ quán C tại Cộng hòa Séc chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà anh A giao nộp đúng là ý chí, nguyện vọng của anh A. Chị D và anh A đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Đào D và anh Phạm Nguyên A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 01/3/2024 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu là do anh chị sống xa cách mỗi người một nơi, không có tiếng nói chung, anh A không muốn về Việt Nam còn chị D không muốn sang Cộng hòa Séc để vợ chồng đoàn tụ. Vợ chồng sống ly thân từ lâu không ai quan tâm tới ai. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả chị D và anh A1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. HĐXX căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị D được ly hôn anh A.

[2.2] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh A không có nên không yêu cầu, do vậy HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Lê Đào D** ly hôn anh **Phạm Nguyên A**.

2. Về án phí: Chị Lê Đào D phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0001683 ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Đào D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh Phạm Nguyên A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày. Thời gian kháng cáo tính từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Tân